

Test 1-part 1

Full name: \_\_\_\_\_ Class: \_\_\_\_\_

---

**1. What time is the man's plane leaving?**

**1. Máy bay của người đàn ông khởi hành lúc mấy giờ?**

**F:** What time shall I  you to the airport?

**F:** Tôi sẽ chở anh ra sân bay lúc mấy giờ?

**M:** Well, I  be there by 11.00 pm.

**M:** Ừm, tôi nên có mặt ở đó trước 11 giờ tối.

**F:** I don't think you need to be that . That means you will wait for two hours!

**F:** Tôi không nghĩ anh cần đến sớm như vậy đâu. Như thế có nghĩa là anh sẽ phải đợi hai tiếng!

**M:** Ok. Let's  at 11.30. It's only half an hour to get to the airport, (1) **so I'll have an hour to get to the  by 13.00.**

**M:** Được thôi. Vậy chúng ta đi lúc 11 giờ 30. Chỉ mất nửa tiếng để đến sân bay, (1) **nên tôi sẽ có một tiếng để làm thủ tục lên máy bay trước 13 giờ.**

---

**2. How much does their meal cost?**

**2. Bữa ăn của họ tốn bao nhiêu tiền?**

**M:** (2) Well, £50 is  for such a small meal!

**M:** (2) Ừ thì, 50 bảng Anh thì quá đắt cho một bữa ăn nhỏ như vậy!

**F:** I told you that this is an expensive !

**F:** Tôi đã nói với anh rồi mà, đây là một nhà hàng đắt tiền!

**M:** I know! But we only got a  and some chicken. The chicken alone was £35.

**M:** Tôi biết chứ! Nhưng chúng ta chỉ gọi một món salad và một ít gà thôi. Riêng món gà đã là 35 bảng rồi.

**F:** Well, it could be . My sister paid over £70 here last week! But they did have a great time!

**F:** Thôi thì vẫn còn đỡ. Tuần trước chị tôi đã trả hơn 70 bảng ở đây cơ! Nhưng họ đã có một khoảng thời gian rất vui.

---

**3. What type of house is the woman looking for?**

**3. Người phụ nữ đang tìm loại nhà như thế nào?**

**M:** Let's have a look in the house , shall we?

**M:** Chúng ta xem mục quảng cáo nhà ở nhé?

**F:** I looked last night. All the houses are either too big or .

**F:** Tối qua tôi đã xem rồi. Tất cả các căn nhà thì hoặc quá lớn, hoặc là căn hộ.

**M:** (3) I think I saw exactly what you want on the internet last night. It had a lovely .

**M:** (3) Tôi nghĩ tôi qua tôi đã thấy đúng thứ bạn đang tìm trên mạng. Ngôi nhà đó có một khu vườn rất đẹp.

**F:** Well, if it's a one-bedroom house that isn't expensive, I think it'll be .

**F:** U, nếu đó là một căn nhà một phòng ngủ mà không đắt thì tôi nghĩ sẽ rất tuyệt!

---

---

**4. What does the man need to buy?**

**4. Người đàn ông cần mua gì?**

**F:** Can I help you, Sir? Are you looking for summer clothes? Our T-shirts are on .

**F:** Tôi có thể giúp gì cho ông không ạ? Ông đang tìm quần áo mùa hè à? Áo phông của chúng tôi đang giảm giá.

**M:** Um. No, actually I'm looking for something a bit .

**M:** Ừm, không. Thực ra tôi đang tìm thứ gì đó ấm hơn một chút.

**F:** Well, the trouser department is here, **(4) and upstairs is the  department.** My colleagues will be there to help you.

**F:** Vậy thì khu bán quần ở đây, còn khu bán áo len ở trên lầu. Đồng nghiệp của tôi sẽ ở đó để giúp ông.

**M:** **(4) OK. I'll go  then.** Thank you for your help.

**M:** Được rồi. Vậy tôi sẽ lên trên lầu. Cảm ơn cô đã giúp đỡ.

---

**5. What was the weather like at the weekend?**

**5. Thời tiết vào cuối tuần như thế nào?**

**F:** Hi Jim! Did you have a good  in the countryside?

**F:** Chào Jim! Cuối tuần rồi bạn có kỳ nghỉ vui ở vùng quê không?

**M:** Great, thanks. The  couldn't have been better!

**M:** Rất tuyệt, cảm ơn. Thời tiết không thể tuyệt hơn được nữa!

**F:** Oh, I thought **(5) the  was for a cloudy, rainy weekend in the South.**

**F:** Ồ, tôi cứ nghĩ dự báo là cuối tuần sẽ nhiều mây và mưa ở miền Nam.

**M:** **(5) Yes, but luckily they were .** I spent the whole weekend outdoors! Not like the last time we were there when it  all day.

**M:** Đúng vậy, nhưng may mắn là họ đã dự báo sai. Tôi đã dành cả cuối tuần ở ngoài trời! Không giống lần trước chúng ta ở đó khi tuyết rơi suốt cả ngày.

---